



ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRONG NGÀNH GỖ VIỆT NAM

Thực trạng 2020 và xu hướng phát triển

Tô Xuân Phúc (Forest Trends)

Cao Thị Cẩm (VIFOREST)

Trần Lê Huy (FPA Bình Định)



Hà Nội, tháng 3 năm 2021

Lời cảm ơn

Báo cáo ***Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành gỗ Việt Nam: Thực trạng 2020 và xu hướng phát triển*** là sản phẩm hợp tác của nhóm nghiên cứu của Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA) và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định). Báo cáo tóm lược tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành gỗ Việt Nam đến hết năm 2020 và chỉ ra một số xu hướng năm 2021. Nguồn thông tin trong Báo cáo được tổng hợp từ số liệu thống kê các dự án đầu tư, hoạt động xuất nhập khẩu của nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) từ Cục Đầu tư nước ngoài, Tổng cục Hải quan và từ phản hồi của một số doanh nghiệp trong ngành. Báo cáo tổng hợp thông tin về các dự án đầu tư mới, tăng vốn, sáp nhập với nguồn vốn từ nước ngoài trong ngành gỗ. Báo cáo chỉ ra một số khía cạnh rủi ro, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm thúc đẩy ngành phát triển theo hướng bền vững trong tương lai.

Nhóm biên soạn chân thành cảm ơn sự giúp đỡ về nguồn lực của Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Anh (DFID) và Chính phủ Na Uy (NORAD). Nhóm xin cảm ơn các ý kiến đóng góp của các chuyên gia và lãnh đạo các Hiệp hội VIFOREST, HAWA, BIFA, FPA Bình Định và Forest Trends đã tạo điều kiện hỗ trợ Nhóm hoàn thành báo cáo này.

Mục lục

Table of Contents

Tóm tắt	1
1. Giới thiệu	2
2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành gỗ năm 2020.....	3
2.1. Đầu tư FDI vào Việt Nam nói chung	3
2.2. Đầu tư FDI vào ngành gỗ	4
2.2.1. Các dự án đầu tư mới	5
2.2.2. Các dự án góp vốn mua cổ phần	9
2.2.3. Các dự án tăng vốn	14
2.3. Địa phương nhận các dự án FDI mới	18
3. Xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI.....	19
3.1. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia đầu tư	19
3.2. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo địa phương nhận đầu tư	20
4. Đầu tư FDI vào ngành gỗ: Một số khía cạnh về chính sách	21

Tóm tắt

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Trong ngành gỗ, nhóm doanh nghiệp FDI hiện đã trở thành một hợp phần quan trọng không thể tách rời. Ngày càng có nhiều các dự án FDI đầu tư vào ngành. Sự gia tăng trong các hoạt động FDI vào ngành một phần là kết quả từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và vị trí địa lý thuận lợi của khu vực kinh tế Châu Á – Thái bình dương. Gia tăng FDI của ngành cũng là kết quả trực tiếp từ các chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư của Chính phủ trong thời gian vừa qua. Bên cạnh đó, căng thẳng trong thương mại Mỹ-Trung cũng tạo ra cơ hội cho Việt Nam trong việc đón nhận các dòng vốn dịch chuyển từ Trung Quốc đầu tư vào ngành.

Mặc dù FDI hiện là bộ phận không thể tách rời của ngành gỗ, một số hoạt động đầu tư FDI ẩn chứa rủi ro lớn và điều này đã và đang làm ảnh hưởng tới ngành. Trong những năm gần đây, tình trạng “đầu tư chui, đầu tư núp bóng” nhằm lẩn tránh thuế đã xuất hiện. Các dự án FDI tập trung vào các mặt hàng như gỗ dán, tủ bếp, ghế sofa và bộ phận của ghế sofa -- là các mặt hàng có tín hiệu rủi ro -- đang tăng mạnh. Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ đang điều tra toàn ngành gỗ Việt Nam, một phần là do nguyên nhân đầu tư chui, đầu tư núp bóng diễn ra trong ngành.

Chính phủ Việt Nam đang cố gắng tạo ra cơ chế chính sách thông thoáng nhằm thu hút đầu tư, mặt khác đang nỗ lực kiểm soát tình trạng đầu tư chui, đầu tư núp bóng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa kêu gọi các tỉnh, thành kiểm soát chặt chẽ đối với các hành vi chống gian lận xuất xứ đối với các sản phẩm gỗ, đặc biệt trong khối doanh nghiệp FDI tại các địa phương. Thực hiện hiệu quả kêu gọi này đòi hỏi các tỉnh cần có sự quan tâm xác đáng tới các hoạt động đầu tư FDI tại địa phương mình, bằng việc thiết lập các cơ chế kiểm tra, giám sát, với sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan.

Trong hoạt động xuất khẩu, các doanh nghiệp FDI chiếm 18% về lượng các doanh nghiệp tham gia khâu này. Tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu của khối này đạt trên 51%. Điều này thể hiện sự vượt trội của khối này trong khâu xuất khẩu. Sự vượt trội của các doanh nghiệp FDI hoạt động trong ngành cần được tổng kết và lấy đó làm nền tảng để tạo hiệu ứng lan tỏa tới các doanh nghiệp nội địa hiện hoạt động trong ngành. Để lan tỏa cần môi trường cơ chế và chính sách phù hợp cho phép việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm giữa khối FDI và khối doanh nghiệp trong nước. Cơ chế chính sách đối với ngành hiện nay nên cho phép các doanh nghiệp FDI là thành viên chính thức của các hiệp hội gỗ, thông qua đó, các ý kiến đóng góp về chính sách cho ngành từ khối này được lắng nghe, từ đó tạo ra các chính sách bao hàm hơn. Chuyển đổi 2 khối FDI và khối doanh nghiệp nội địa thành một thực thể thống nhất của ngành thông qua các cơ chế, chính sách mới sẽ góp phần tạo hiệu ứng lan tỏa. Điều này giúp nâng tầm doanh nghiệp nội địa tiệm cận gần hơn đối với các doanh nghiệp FDI. Tạo một thực thể thống nhất giữa 2 khối cũng sẽ góp phần định vị và giảm thiểu các rủi ro trong các hoạt động đầu tư FDI tốt hơn. Điều này sẽ góp phần xây dựng một ngành gỗ Việt bền vững trong tương lai.

1. Giới thiệu

Tháng 2/2020, Nhóm Nghiên cứu của Forest Trends và các Hiệp hội gỗ đã công bố Báo cáo **Đầu tư nước ngoài trong ngành gỗ Việt Nam 2019: Thực trạng và một số khía cạnh về chính sách**. Bản Báo cáo này cung cấp thông tin về tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong ngành gỗ Việt Nam tính đến hết năm 2019. Các khía cạnh thông tin trong Báo cáo bao gồm các dự án đầu tư FDI mới, số lượt tăng vốn, sáp nhập trong ngành gỗ có sự tham gia của các DN FDI. Báo cáo cũng đưa ra một số kiến nghị về chính sách nhằm giảm thiểu rủi ro trong đầu tư FDI trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đang diễn ra. Báo cáo này chuyển tải 7 thông điệp lớn. Các thông tin điệp này giúp định vị vai trò của các DN FDI trong ngành gỗ, cũng như xác định một số rủi ro trong một số hoạt động đầu tư FDI vào ngành.¹

Trong năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ tăng 16,2% so với năm 2019. Các doanh nghiệp FDI tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong xuất khẩu, với các thông điệp từ Báo cáo tổng kết năm 2019 vẫn giữ nguyên tính thời sự.

Báo cáo **Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong ngành gỗ Việt Nam: Thực trạng 2020 và xu hướng phát triển** cập nhật những thông tin về đầu tư FDI vào ngành gỗ trong năm 2020. Tương tự như báo cáo của năm 2019, báo cáo năm 2020 tổng hợp thông tin về các dự án đầu tư FDI mới, các lượt sáp nhập, góp vốn mua cổ phần, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của khối FDI này. Bên cạnh đó, Báo cáo xác định một số khía cạnh rủi ro về gian lận thương mại trong các hoạt động đầu tư FDI.

Báo cáo bao gồm 4 phần. Phần 1 giới thiệu sơ lược về báo cáo. Trong Phần 2 cung cấp một số thông tin về khối doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ, tập trung vào các dự án FDI đầu tư mới, mở rộng vốn, mua bán sáp nhập. Phần 3 của báo cáo phân tích số liệu xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI. Phần 4 đưa ra các vấn đề thảo luận về một số khía cạnh chính sách có liên quan đến đầu tư FDI vào ngành.

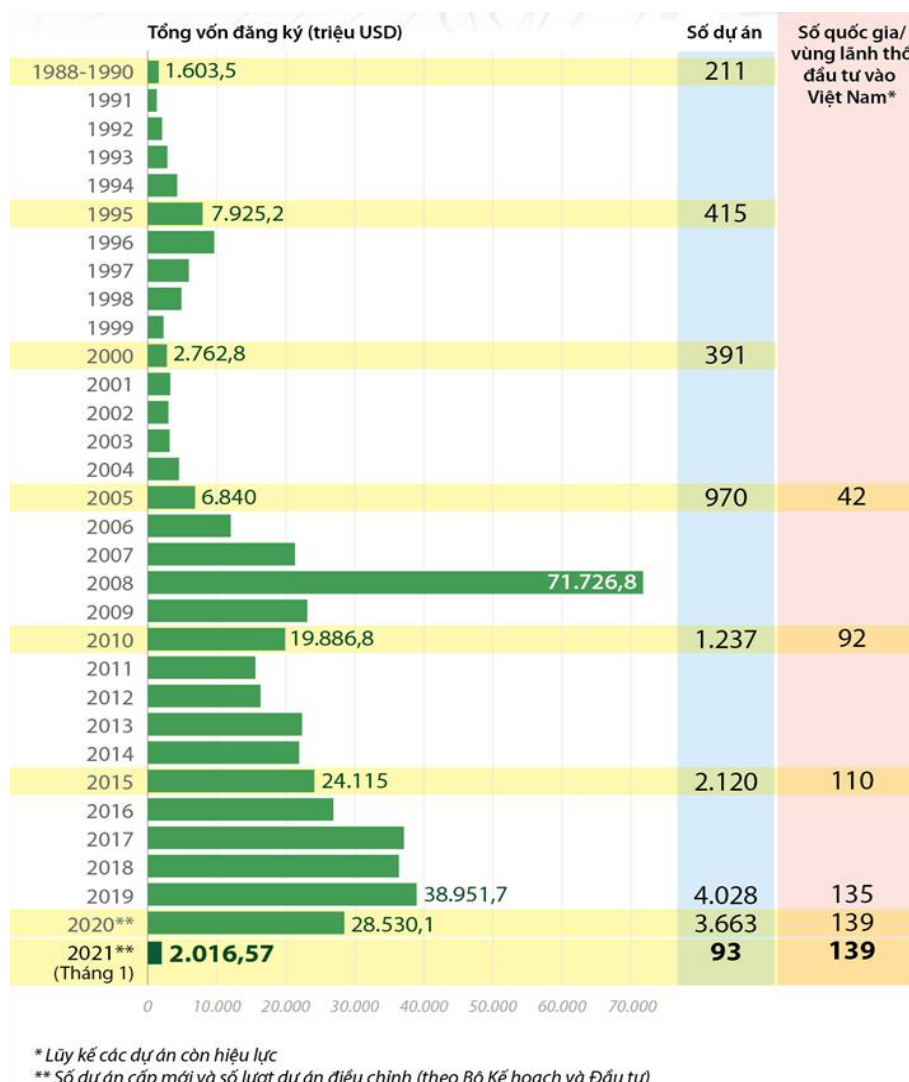
¹ Bảy thông điệp chính trong Báo cáo này bao gồm: (1) FDI trong ngành gỗ vẫn đang tăng, cả về số dự án mới, số dự án tăng vốn và mua cổ phần, (2) Số lượng dự án FDI mới lớn, quốc gia đầu tư đa dạng, tuy nhiên chủ yếu là các dự án thuộc vùng Châu Á, (3) Quy mô các dự án đầu tư nhỏ, chủ yếu tập trung vào mảng chế biến gỗ và sản xuất ván nhân tạo, (4) Đầu tư FDI từ Trung Quốc dẫn đầu trong các nước đầu tư tăng mạnh đặc biệt về các dự án đầu tư mới và mua bán sáp nhập, (5) Ngày càng có nhiều có địa phương nhận được các dự án FDI đầu tư trong ngành gỗ, tuy nhiên hầu hết các dự án này đều tập trung vào vùng Đông Nam Bộ, (6) Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI tăng mạnh đặc biệt ở một số thị trường truyền thống của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI hiện gần tương đương với kim ngạch xuất khẩu của nhóm DN nội địa, và (7) Hàng năm kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng của DN FDI lớn, trong đó chủ yếu là các mặt hàng gỗ nguyên liệu có nguồn gốc từ Trung Quốc. Thông tin chi tiết về Báo cáo tham khảo tại: <https://goviet.org.vn/bai-viet/bao-cao-dau-tu-nuoc-ngoai-trong-nganh-go-viet-nam-2019-thuc-trang-va-mot-so-khia-can-h-ve-chinh-sach-9098>.

2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành gỗ năm 2020

2.1. Đầu tư FDI vào Việt Nam nói chung

Việt Nam đã trở thành địa chỉ quan trọng đối với các dự án đầu tư. Số dự án và kim ngạch đầu tư vào các ngành kinh tế tăng mạnh kể từ khi Chính phủ mở cửa nền kinh tế. Giai đoạn 1988-1990 Việt Nam mới chỉ nhận được 211 dự án FDI, với kim ngạch khoảng 1,6 tỷ USD. Tới 2010, các con số này lần lượt là trên 1.200 dự án và kim ngạch gần 20 tỷ USD. Năm 2020, Việt Nam đã thu hút được tổng số vốn đăng ký FDI là 28,53 tỷ USD vào tất cả các ngành. Con số này giảm 27% so với năm 2019. Số lượng dự án đầu tư FDI trong năm này cũng giảm tương ứng 9% so với năm trước. Tuy nhiên, các con số của năm 2020 vẫn chỉ ra các tín hiệu khả quan, bởi trong bối cảnh đại dịch COVID, nguồn vốn đầu tư FDI toàn cầu đã giảm 42% trong năm 2020 so với 2019². Hình 1 liệt kê số vốn FDI đăng ký vào Việt Nam từ 1988 đến nay.

Hình 1. Tổng vốn đăng ký FDI vào Việt Nam giai đoạn 1988- tháng 1/2021 (triệu USD)



Nguồn: Bộ Kế hoạch Đầu tư; Tổng cục Thống kê (Số liệu tính đến 20/12/2020)-TTXVN

² <https://unctad.org/webflyer/world-investment-report-2020>

Trong cơ cấu đầu tư FDI vào Việt Nam năm 2020 cho thấy:

- Vốn đăng ký cấp mới: Có 2.523 dự án với số vốn 14,65 tỷ USD.
- Góp vốn mua cổ phần: Có 6.141 lượt dự án với số vốn 7,47 tỷ USD.
- Tăng vốn: Có 1.140 lượt dự án với số vốn 6,41 tỷ USD.

Trong năm 2020, Singapore là quốc gia đứng đầu trong danh sách về nguồn vốn đầu tư vào Việt Nam, với 6,2 tỷ USD. Các vị trí kế tiếp là Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Hàn Quốc (Hình 2).

Hình 2. Nguồn vốn đăng ký từ các dự án FDI mới theo quốc gia năm 2020



Nguồn: Bộ Kế hoạch Đầu tư; Tổng cục Thống kê (Số liệu tính đến 20/12/2020)-TTXVN

2.2. Đầu tư FDI vào ngành gỗ

Do ảnh hưởng bởi Covid -19, năm 2020 các dự án đầu tư FDI vào ngành gỗ giảm cả về số lượng và vốn đầu tư ở cả 3 hình thức đầu tư mới, tăng vốn và góp vốn mua cổ phần (Bảng 1).

- Đầu tư mới: Ngành tiếp nhận 63 dự án mới với 372,68 triệu USD, giảm 36% về số dự án và 49% về vốn đầu tư so với năm 2019.
- Góp vốn mua cổ phần: Năm 2020 có 122 lượt góp vốn mua cổ phần từ các DN ngoại, với số vốn góp 244,80 triệu USD, giảm 57% về số lượt và 23% về vốn góp so với năm 2019.
- Tăng vốn: Năm 2020 các dự án FDI có 52 lượt tăng vốn, với tổng vốn tăng 193,64 triệu USD, tăng 73% về số lượt, nhưng giảm 3% về số vốn so với năm trước đó.

Bảng 1. Đầu tư FDI vào ngành gỗ 2018-2020

Loại hình đầu tư	2018	2019	2020
Dự án mới	67	99	63
Vốn đăng ký mới (USD)	269.837.634	726.128.659	372.679.383
Số lượt dự án tăng vốn	36	49	52
Vốn tăng thêm (USD)	114.074.169	364.739.344	193.645.427
Số lượt góp vốn mua cổ phần	190	286	122
Giá trị góp vốn mua cổ phần (USD)	633.944.179	319.191.174	244.804.519

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

2.2.1. Các dự án đầu tư mới

Quốc gia đầu tư

Tổng số 63 dự án FDI đầu tư vào ngành năm 2020 với tổng vốn đầu tư 372,68 triệu USD đến từ 14 quốc gia. Dẫn đầu trong danh sách các quốc gia như Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Seychelles và Singapore. Cụ thể:

- Trung Quốc: 23 dự án với vốn đầu tư 52,23 triệu USD, chiếm 37% về số dự án, nhưng chỉ chiếm 14% về tổng vốn đầu tư. Trong 23 dự án này có 17 dự án về chế gỗ (gồm các sản phẩm: sofa, tủ nhà tắm, giường, tủ...) với vốn đầu tư 40,38 triệu USD; 6 dự án liên quan tới phụ liệu ngành gỗ, bọc đệm, da, công cụ... với tổng vốn đầu tư 11,81 triệu USD.
- Hồng Kông: 11 dự án mới, số vốn đầu tư 126,34 triệu USD, chiếm 17% về số dự án, 34% về tổng vốn đầu tư.
- Đài Loan: 6 dự án mới, số vốn đầu tư là 36,03 triệu USD, chiếm 10% về số dự án và số vốn đầu tư.
- Singapore: 4 dự án mới với số vốn 21,56 triệu USD, chiếm 6% về số dự án và vốn đầu tư.
- Seychelles: 4 dự án mới với số vốn 24,0 triệu USD, chiếm 6% cả về số dự án và vốn đầu tư.
- Các dự án đầu tư mới còn lại thuộc về các quốc gia: British Virgin Islands (3 dự án, vốn đầu tư: 19,2 triệu USD), Malaysia (3 dự án, vốn đầu tư 24 triệu USD), Hoa Kỳ (2 dự án; vốn đầu tư 47,70 triệu USD), Hàn Quốc (2 dự án; vốn đầu tư 0,736 triệu USD).

Bảng 2 chỉ ra số dự án FDI đầu tư mới vào ngành gỗ và vốn đầu tư theo quốc gia đến hết 2020

Bảng 2. Số dự án mới và vốn đầu tư của các quốc gia vào ngành gỗ giai đoạn 2017 - 2020

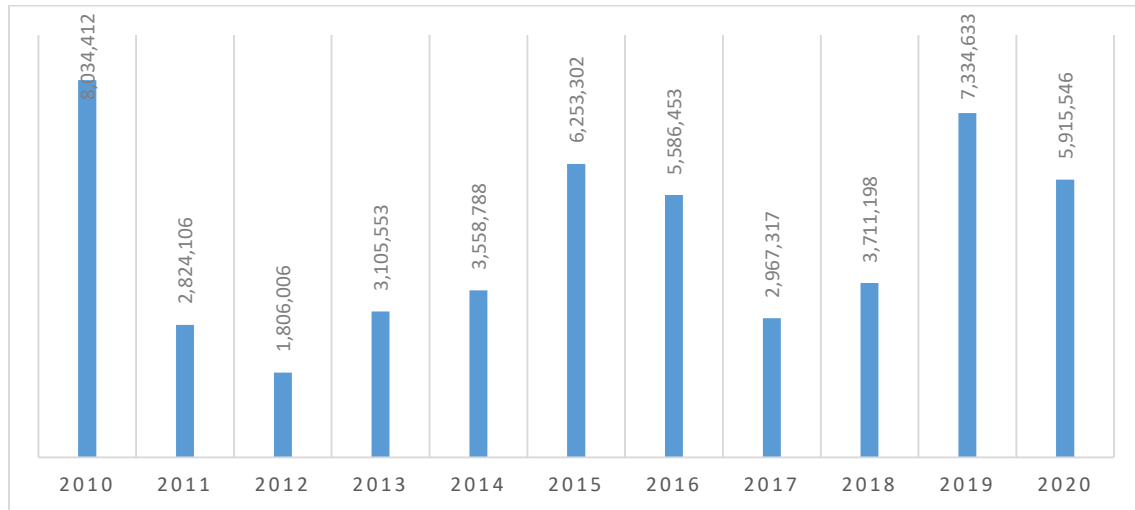
STT	Quốc gia đầu tư	2018		2019		2020	
		Dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (USD)	Dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (USD)	Dự án cấp mới	Vốn đăng ký cấp mới (USD)
1	Trung Quốc	24	59.317.230	56	203.100.925	23	52.226.195
2	Đài Loan	7	26.600.000	4	6.199.000	6	36.036.000
3	Hàn Quốc	7	42.436.312	7	250.663.000	2	736.300
4	Hồng Kông	6	42.300.000	15	150.097.993	11	126.342.000
5	Nhật Bản	6	20.631.292	4	22.270.224		
6	Samoa	4	20.300.000	2	43.000.000		
7	Hoa Kỳ	3	7.250.000	2	11.945.857	2	47.700.000
8	Malaysia	3	2.100.000	2	8.500.000	3	24.000.000
9	Singapore	3	7.364.000	2	3.500.000	4	21.562.130
10	British Virgin Islands	2	16.000.000			3	19.210.000
11	Canada	1	1.538.800				
12	Ma Cao	1	24.000.000				
13	Khác	-	-	5	26.851.660	9	44.866.758
	Tổng	67	269.837.634	99	726.128.659	63	372.679.383

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Quy mô đầu tư

Năm 2020 quy mô vốn bình quân của mỗi dự án FDI khoảng 5,91 triệu USD/1 dự án, 19% so với năm 2019. Hình 3 là mức đầu tư trung bình cho 1 dự án FDI từ năm 2010 cho tới nay.

Hình 3. Quy mô bình quân mỗi dự án FDI đầu tư vào ngành gỗ đến 2020 (USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Về quy mô dự án theo quốc gia, các doanh nghiệp FDI của Hoa Kỳ có quy mô vốn trung bình mỗi dự án lớn nhất, khoảng trên 23,85 triệu USD/1 dự án. Năm 2020, Hoa Kỳ đầu tư 2 dự án FDI vào ngành gỗ với tổng vốn 47,7 triệu USD, bao gồm:

- Một dự án với vốn đầu tư trên 45 triệu USD vào sản xuất giường tủ bàn ghế và các linh phụ kiện phụ vụ cho sản xuất mặt hàng này.
- Một dự án khác sản xuất giường tủ, bàn ghế và gỗ dán với vốn đầu tư 2,7 triệu USD

Hồng Kông xếp thứ hai về quy mô vốn đầu tư đối với mỗi dự án, ở mức 11,48 triệu USD/dự án. Năm 2020 Hồng Kông có 11 dự án đầu tư vào ngành, với tổng vốn 126,34 triệu USD, bao gồm:

- Một dự án với vốn đầu tư trên 70 triệu USD, sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn ghế, sofa.
- Một dự án với vốn đầu tư 26,64 triệu USD, sản xuất các sản phẩm đồ nội thất và ghế sofa.
- Hai dự án có mức đầu tư 10 triệu và 5 triệu USD về phụ kiện ngành gỗ.
- 7 dự án còn lại có mức đầu tư từ 1 triệu USD đến 4 triệu USD tập trung sản xuất các mặt hàng giường tủ, bàn ghế, sofa (5 dự án); phụ kiện trong ngành gỗ (1) và dự án thương mại trong ngành gỗ (1).

British Virgin Islands đứng thứ ba với mức vốn trên **6,4 triệu USD/1 dự án**. Có 3 dự án được quốc gia này đầu tư vào ngành gỗ Việt trong năm 2020, với tổng vốn là **19,21 triệu USD**, gồm:

- Hai dự án đầu tư vào chế biến gỗ, với vốn đầu tư 9,11 triệu USD tập trung và sản xuất chân đế gỗ và các sản phẩm đồ gỗ.
- Một dự án phụ kiện ngành gỗ với vốn đầu tư 10,1 triệu USD, dự án này sản xuất mũi khoan gỗ, dao, keo... và dụng cụ cầm tay.

Trung Quốc có số lượng dự án đầu tư lớn, 23 dự án, nhưng mức đầu tư cho mỗi dự án chỉ khoảng **2,27 triệu USD**; giảm 37% so với năm 2019 (trung bình 3,62 triệu USD/1 dự án). Cụ thể:

- Bốn dự án có vốn đầu tư trên 4 triệu USD, trong số này có 3 dự án đầu tư sản xuất mặt hàng giường, tủ, bàn ghế, sofa bằng gỗ; 1 dự án về phụ kiện.
- Bảy dự án có vốn đầu tư từ 1 - <4 triệu USD, các dự án này tập trung sản xuất mặt hàng giường, tủ bếp, sofa, các sản phẩm gỗ khác (6 dự án) và sản xuất gia công phụ kiện ngành gỗ.
- Bảy dự án có vốn đầu tư từ 1-2 triệu USD, sản xuất sản phẩm giường, tủ, bàn ghế, sofa, tủ bếp là chính.
- Sáu dự án với vốn đầu tư dưới 1 triệu USD, trong đó có 4 dự án đầu tư sản xuất phụ kiện ngành gỗ và 2 dự án sản xuất gia công mặt hàng gỗ.

Bảng 3 sau đây chỉ ra mức vốn đầu tư trung bình cho một dự án ngành gỗ giai đoạn từ năm 2015 tới năm 2020 theo quốc gia đầu tư.

Bảng 3. Mức vốn đầu tư FDI trung bình vào ngành gỗ giai đoạn 2015-2020 (USD/1 dự án)

Quốc gia	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Trung Quốc	1.996.375	4.704.938	2.413.379	2.471.551	3.626.802	2.270.704
Đài Loan	2.178.000	3.685.428	3.691.678	3.800.000	1.549.750	6.006.000
Hàn Quốc	949.761	4.716.893	566.667	6.062.330	35.809.000	368.150
Hồng Kông	6.875.000	850.000	5.250.000	7.050.000	10.006.533	11.485.636
Nhật Bản	30.870.400	3.862.500	2.033.333	3.438.549	5.567.556	-
Samoa	33.500.000	-	3.794.000	5.075.000	21.500.000	-
Hoa Kỳ	893.420	-	1.450.000	2.416.667	5.972.929	23.850.000
Malaysia	-	-	1.600.000	700.000	4.250.000	8.000.000
Singapore	1.300.000	2.640.000	550.000	2.454.667	1.750.000	5.390.533
British Virgin Islands	19.100.000	6.625.000	35.000.000	8.000.000	6.352.660	6.403.333
Khác	4.344.151	15.054.545	1.925.117	12.769.400	5.124.750	11.216.690

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Mặt hàng đầu tư

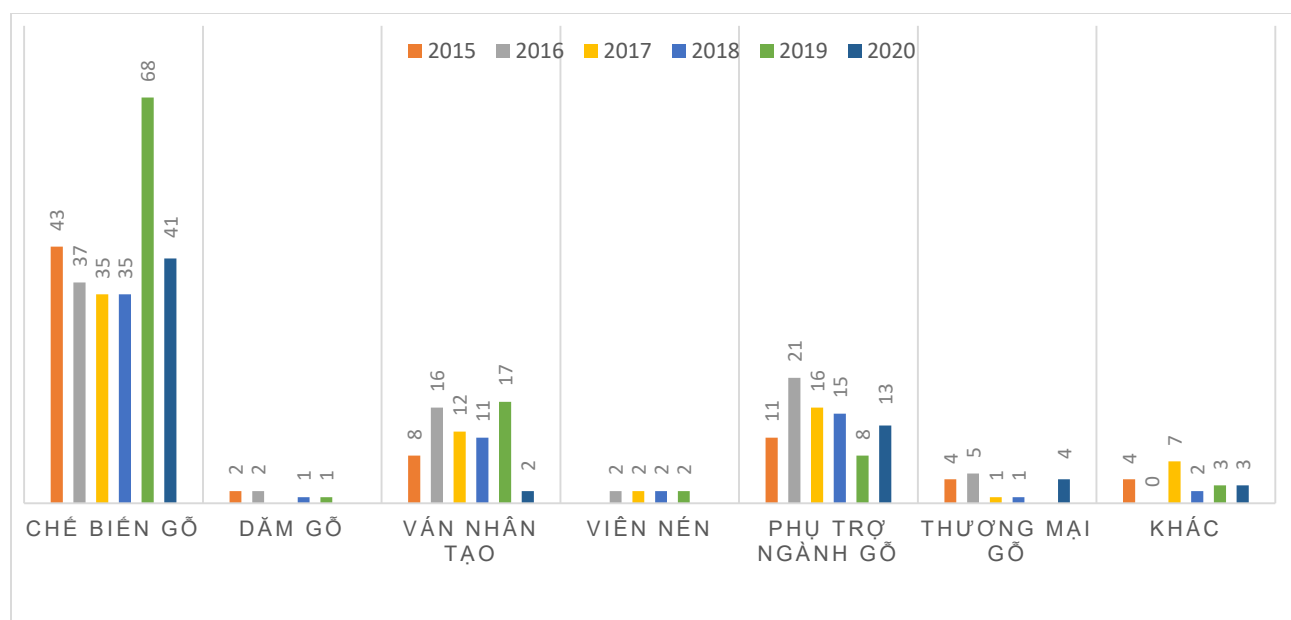
Cũng như các năm trước, chế biến gỗ là nhóm hàng nhận được nhiều dự án đầu tư FDI mới, tiếp đến là phụ kiện ngành gỗ, thương mại gỗ và sản phẩm gỗ, gỗ dán, đồ chơi gỗ và bao bì. Cụ thể trong năm 2020:

- Các dự án tập trung vào chế biến gỗ: 41 dự án, với tổng vốn đầu tư 274,81 triệu USD, chiếm 65% về số dự án và 74% về số vốn đầu tư. Giường, tủ bàn, ghế và sofa gỗ là sản phẩm được chú trọng đầu tư nhiều trong nhóm này. Vốn trung bình đầu tư 1 dự án chế biến gỗ khoảng 6,7 triệu USD/1 dự án tăng 13% so với mức vốn đầu tư năm 2019. Trong nhóm sản phẩm này:
 - Trung Quốc là quốc gia đứng đầu với 17 dự án, vốn đầu tư 40,38 triệu USD
 - Hồng Kông: 7 dự án với vốn đầu tư 107,34 triệu USD
 - Đài Loan: 4 dự án với vốn đầu tư 35,35 triệu USD

- Tiếp đến là các quốc gia Hòa Kỳ 2 dự án, vốn đầu tư 47,7 triệu USD; Singapore: 2 dự án vốn đầu tư 20,4 triệu USD; Seychelles: 2 dự án vốn đầu tư 10 triệu USD; British Virgin Islands: 2 dự án vốn đầu tư 9,1 triệu USD.
- Còn lại là dự án đầu tư của các quốc gia như Ba Lan, Vương Quốc Anh và Hàn Quốc.
- Phụ kiện ngành gỗ: 13 dự án, tổng vốn đầu tư 79,94 triệu USD, chiếm 21% về số dự án và vốn đầu tư. Các sản phẩm phụ kiện ngành gỗ như dụng cụ gia dụng, phụ kiện bằng gỗ, lưỡi dao cắt gỗ, sản xuất, gia công bọc ghế sofa,... là các mặt hàng được đầu tư chính trong năm 2020. Mức vốn đầu tư trung bình 1 dự án: 6,14 triệu USD, tăng 10% so với năm trước. Các quốc gia đầu tư vào nhóm này gồm: Trung Quốc: 6 dự án, vốn đầu tư 11,81 triệu USD; Hồng Kong: 3 dự án, vốn đầu tư 18 triệu USD; Iceland và Malaysia: 1 dự án vốn đầu tư 20 triệu USD; Thụy Điển đầu tư 1 dự án.
- Gỗ dán: Tiếp nhận 2 dự án đầu tư mới với tổng vốn 14,0 triệu USD chiếm 3% số dự án mới và 4% số vốn đầu tư. Seychelles là quốc gia đầu tư vào dự án này trong năm 2020.
- Các dự án còn lại tập trung vào các mặt hàng như: sản xuất bao bì bằng gỗ: 1 dự án do Đài Loan đầu tư; sản xuất đồ chơi bằng gỗ: 1 dự án do Đài Loan đầu tư; sản xuất thùng gỗ: 1 dự án do Hàn Quốc đầu tư và 4 dự án buôn bán thương mại trong ngành gỗ do Úc, Hồng Kông và Singapore đầu tư.

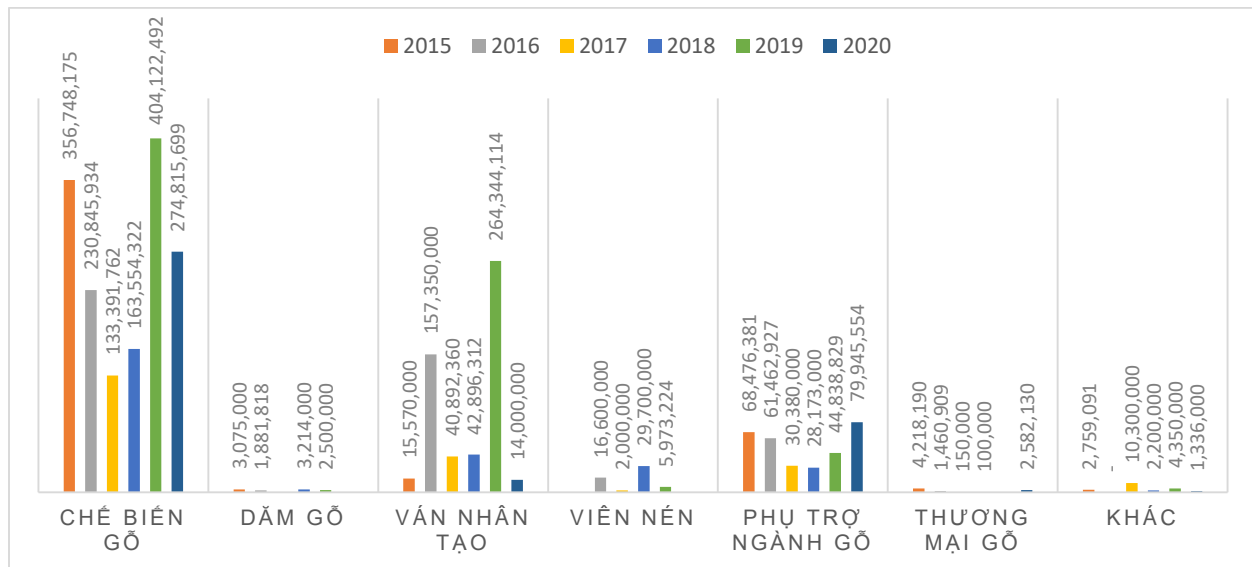
Hình 4, hình 5 chỉ ra tình hình các dự án đầu tư mới theo mặt hàng giai đoạn từ 2015 - 2020

Hình 4. Số lượng các dự án đầu tư mới theo mặt hàng vào ngành gỗ giai đoạn từ 2015 - 2020



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 5. Vốn đầu tư các dự án đầu tư mới theo mặt hàng vào ngành gỗ giai đoạn từ 2015 - 2020 (USD)



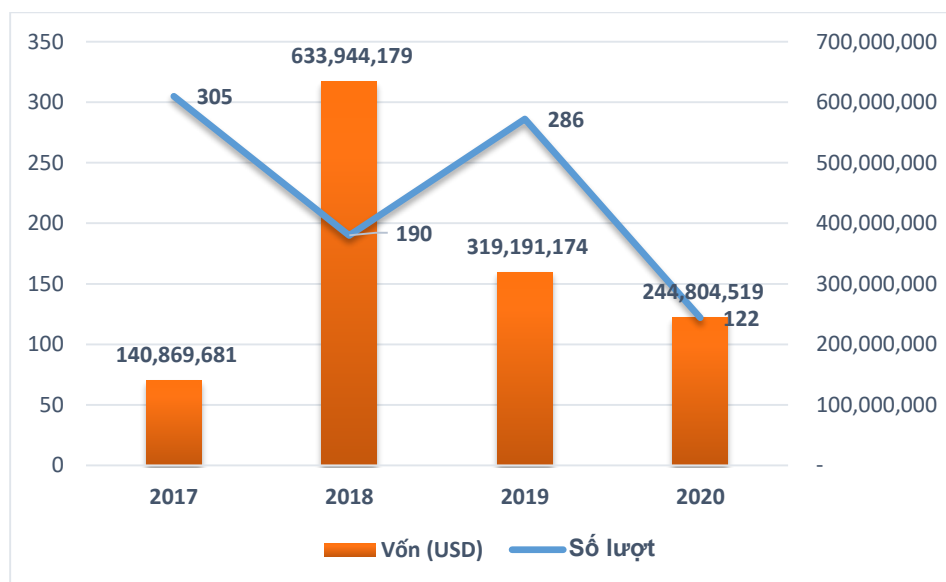
Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

2.2.2. Các dự án góp vốn mua cổ phần

Các DA góp vốn mua cổ phần theo quốc gia

Năm 2020 số các dự án góp vốn mua cổ phần đạt 122 lượt với vốn góp 244,8 triệu USD. So với 2019, số lượt các dự án góp vốn mua cổ phần giảm 57% về lượt góp và 23% về vốn góp. Hình 6 chỉ ra sự thay đổi về lượt góp vốn và số vốn góp qua các năm từ 2017 cho tới nay.

Hình 6. Lượt góp và số vốn góp mua cổ phần vào ngành gỗ qua các năm từ 2017 – 2020



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Năm 2018 các dự án FDI tập trung vào mặt hàng gỗ dán (4 dự án mới, 17,33 triệu USD về vốn; 29 lượt góp vốn với trên 8,87 triệu USD)³. Tuy nhiên, năm 2019 các dự án FDI tập trung vào mặt hàng giường, tủ, bàn ghế, sofa, tủ bếp (25 DA mới, 84,69 triệu USD). Năm 2020 tiếp tục nhận các dự án đầu tư vào nhóm các mặt hàng này (11 dự án, 27,09 triệu USD).

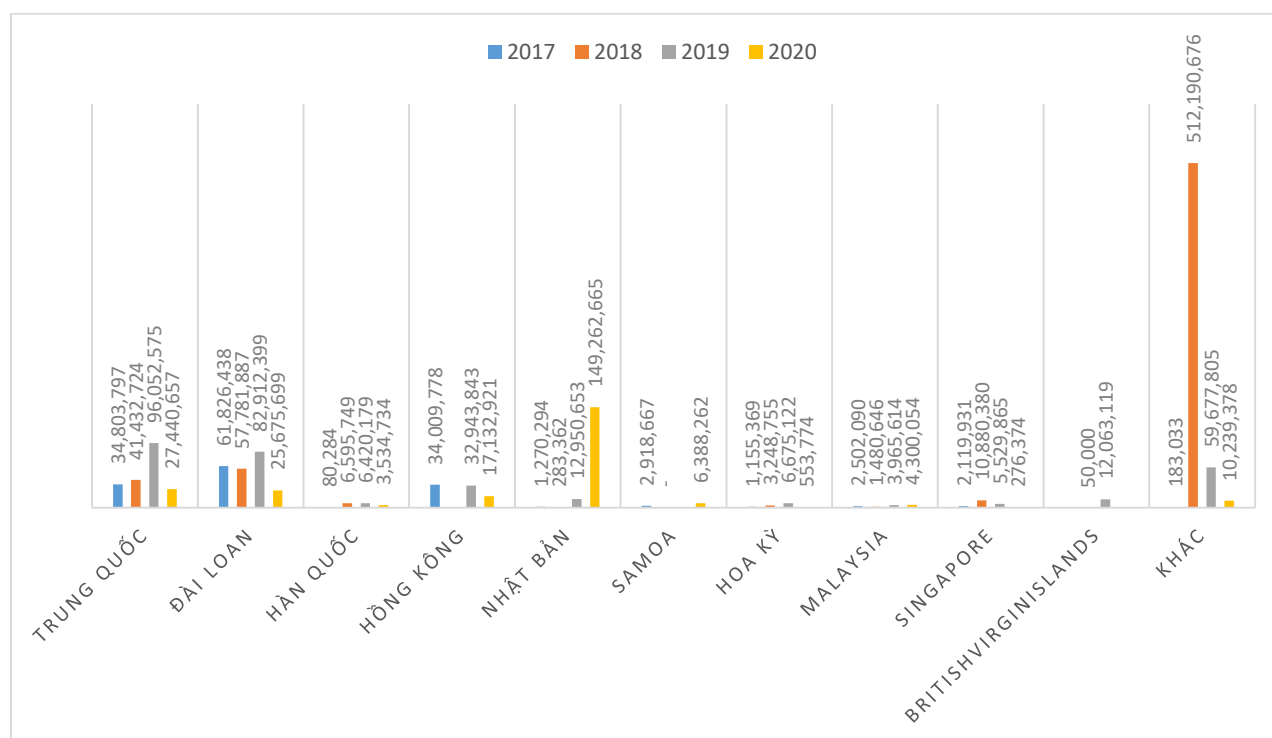
So với 2019, các quốc gia đầu tư vào ngành gỗ trong năm 2020 đều giảm cả về lượt và số vốn góp. Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, và Nhật Bản các quốc gia đứng đầu trong danh sách góp vốn mua cổ phần. Cụ thể:

- Trung Quốc: 45 lượt, với tổng vốn góp 27,44 triệu USD, giảm 62% về lượt góp và 71% về vốn góp so với năm 2019.
- Đài Loan: 28 lượt, tổng vốn góp 25,67 triệu USD, giảm 58% về lượt góp và 69% về vốn góp so với 2019.
- Hàn Quốc: 10 lượt, vốn góp 3,5 triệu USD, giảm lần lượt ở mức 62% và 45% so với năm 2019.
- Nhật Bản: 8 lượt, vốn góp 17,1 triệu USG, giảm 20% và 48% về lượt góp và vốn góp so với năm 2019.

Năm 2018, số vốn góp mua cổ phần trong ngành gỗ của DN Úc đã tăng mạnh, đạt 509,8 triệu USD.

Hình 7, hình 8 và bảng 4 chỉ ra lượt góp vốn và số vốn của các quốc gia giai đoạn từ năm 2017 – 2020.

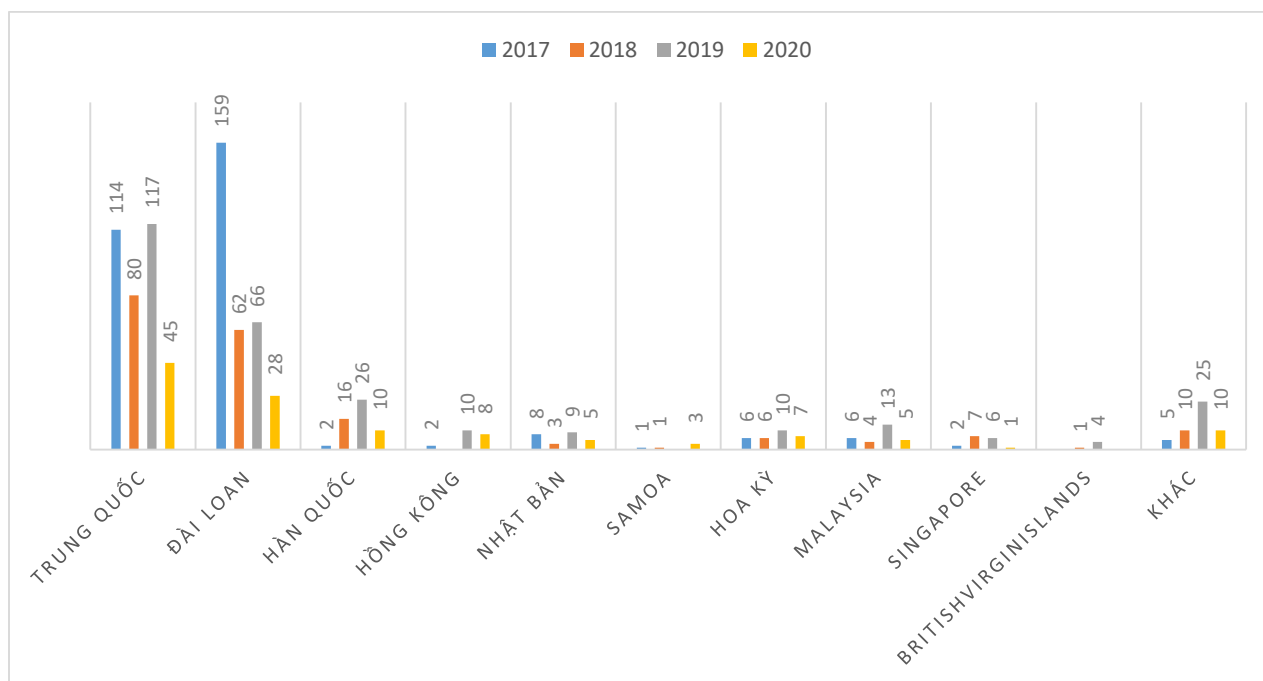
Hình 7. Số vốn góp vốn mua cổ phần vào ngành gỗ của một số quốc gia (USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

³ Thống kê từ nguồn số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 8. Số lượt góp vốn mua cổ phần vào ngành gỗ của một số quốc gia



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Bảng 4. Lượt và vốn góp mua cổ phần của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia 2018 - 2020

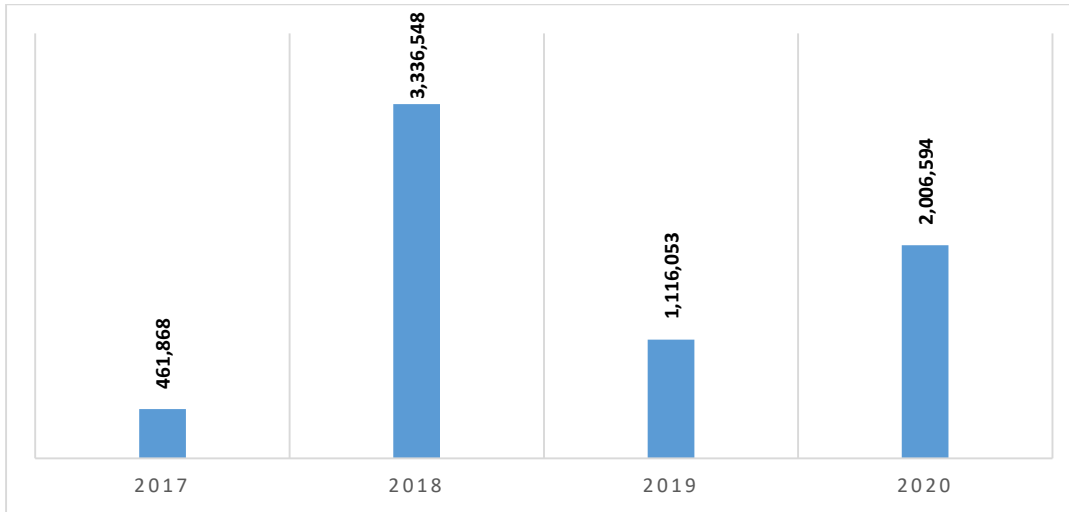
Quốc gia đầu tư	2018		2019		2020	
	Số lượt GVMCP	Giá trị GVMCP (USD)	Số lượt GVMCP	Giá trị GVMCP (USD)	Số lượt GVMCP	Giá trị GVMCP (USD)
Trung Quốc	80	41.432.724	117	96.052.575	45	27.440.657
Đài Loan	62	57.781.887	66	82.912.399	28	25.675.699
Hàn Quốc	16	6.595.749	26	6.420.179	10	3.534.734
Hồng Kông			10	32.943.843	8	17.132.921
Nhật Bản	3	283.362	9	12.950.653	5	149.262.665
Samoa	1	0			3	6.388.262
Hoa Kỳ	6	3.248.755	10	6.675.122	7	553.774
Malaysia	4	1.480.646	13	3.965.614	5	4.300.054
Singapore	7	10.880.380	6	5.529.865	1	276.374
British Virgin Islands	1	50.000	4	12.063.119		
Canada			3	634.783		
Khác	10	512.190.676	22	59.043.022	10	10.239.378
Tổng	190	633.944.179	286	319.191.174	122	244.804.519

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Quy mô các dự án góp vốn mua cổ phần

Năm 2020, mức góp vốn mua cổ phần là khoảng 2,0 triệu USD/lượt, tăng 80% so với mức vốn góp trung bình cho 1 dự án vào năm 2019 (1,1 triệu USD). Hình 9 thể hiện mức vốn trung bình đầu tư cho 1 lượt góp vốn giai đoạn từ 2017 tới 2020.

Hình 9. Vốn trung bình trong các dự án góp vốn mua cổ phần giai đoạn 2017 - 2020 (USD/1 lượt)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Nhật Bản là quốc gia có mức vốn góp mua cổ phần cao, đạt 29,85 triệu USD/lượt. Nguyên nhân là do có một dự án có quy mô mua cổ phần lên tới 147,39 triệu USD, chiếm tới 60% tổng lượng vốn góp vào ngành gỗ năm này. Hồng Kông và Samoa là hai quốc gia có mức vốn góp mua cổ phần trung bình 2,1 triệu USD/1 lượt. Các quốc gia như Trung Quốc, Đài loan, Hàn Quốc có số lượt góp vốn cao. Tuy nhiên, quy mô mỗi lượt chỉ đạt dưới 1 triệu USD. Bảng 5 chỉ ra số vốn góp trung bình cho 1 lượt theo quốc gia giai đoạn năm 2018 – 2020.

Bảng 5. Số vốn góp trung bình cho mỗi lượt góp vốn theo quốc gia 2018 - 2020 (USD/1 lượt)

Quốc gia	2018	2019	2020
Trung Quốc	517.909	820.962	609.792
Đài Loan	931.966	1.256.248	916.989
Hàn Quốc	412.234	246.930	353.473
Hồng Kông		3.294.384	2.141.615
Nhật Bản	94.454	1.438.961	29.852.533
Samoa	-		2.129.421
Hoa Kỳ	541.459	667.512	79.111
Malaysia	370.162	305.047	860.011
Singapore	1.554.340	921.644	276.374

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

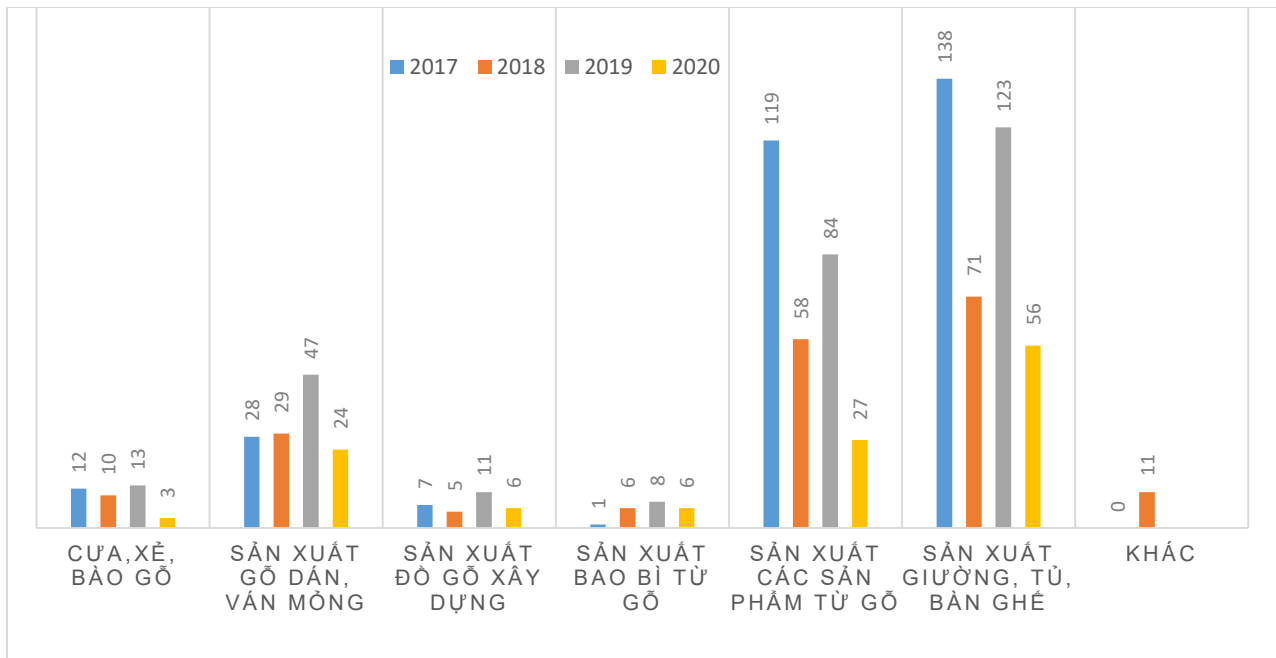
Mặt hàng đầu tư góp vốn mua cổ phần

Vốn góp chủ yếu tập trung vào các mặt hàng như sản xuất giường, tủ, bàn ghế; các mặt hàng từ gỗ khác và sản xuất gỗ dán ván mỏng. Năm 2020, trong tổng số 122 lượt GVMCP có:

- Mặt hàng giường, tủ, bàn ghế: có 56 lượt góp vốn, với vốn 197,02 triệu USD, chiếm 46% tổng lượt GVMCP và 81% tổng vốn GVMCP. Năm 2019, mặt hàng này nhận 123 lượt với vốn đầu tư 192,5 triệu USD.
- Các mặt hàng từ gỗ khác: có 27 lượt đầu tư, với tổng vốn 12,68 triệu USD, chiếm 22% về lượt đầu tư và 5% về tổng vốn góp. Năm 2019, mặt hàng này nhận 84 lượt với tổng vốn 77,29 triệu USD.
- Mặt hàng gỗ dán, ván mỏng: có 24 lượt đầu tư, tổng vốn 20,77 triệu USD, chiếm 20% về lượt đầu tư và 8% về vốn đầu tư. Năm 2019, mặt hàng này nhận 47 lượt đầu tư với tổng vốn 28,19 triệu USD.

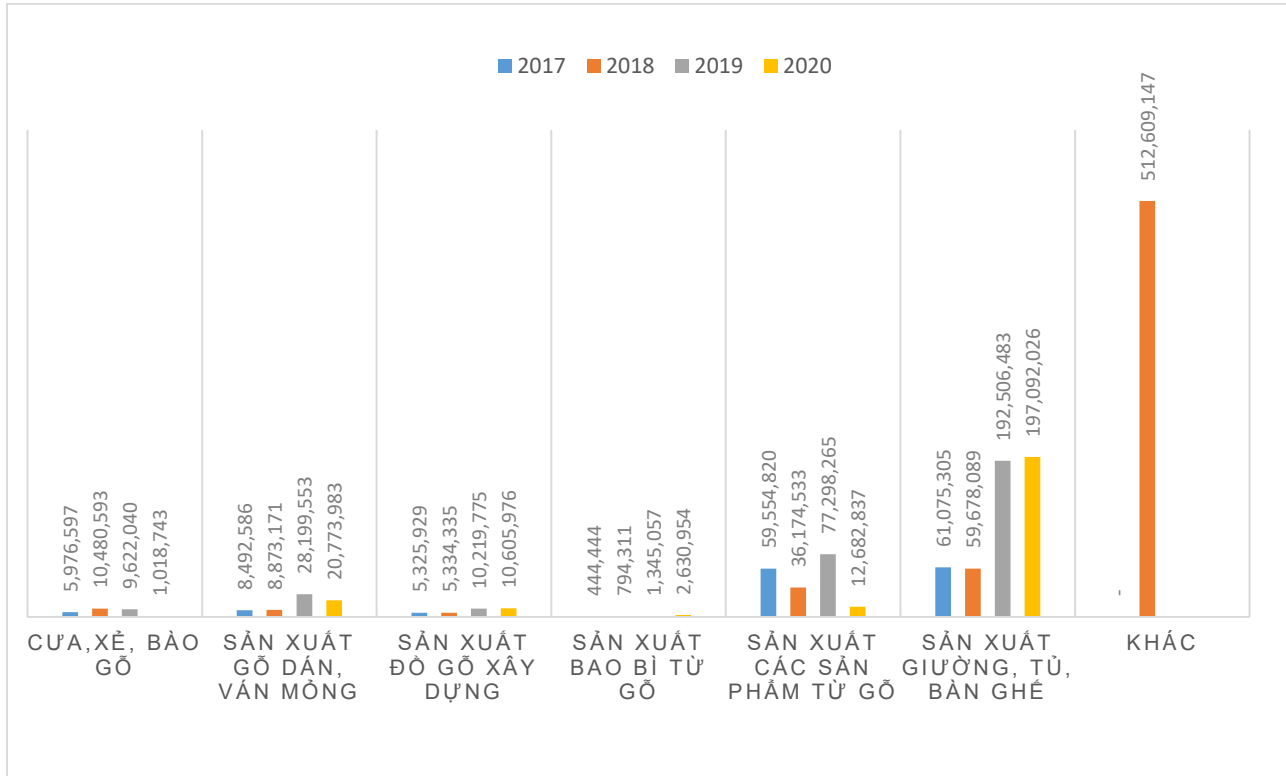
Hình 10, hình 11 liệt kê số lượt và số vốn GVMCP vào ngành gỗ từ năm 2017 tới năm 2020

Hình 10. Số lượt đầu tư GVMCP vào ngành gỗ từ năm 2017 - 2020



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 11. Số vốn đầu tư GVMCP vào ngành gỗ từ 2017 - 2020 (USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 10 và hình 11 chỉ ra ngoài tập trung GVMCP vào các dự án như sản xuất giường, tủ, bàn ghế, các sản phẩm từ gỗ khác, còn lý giải cho việc GVMCP diễn ra mạnh mẽ ở các sản phẩm khác như buôn bán tổng hợp các sản phẩm khác, sản xuất gỗ dán, ván mỏng; phụ kiện ngành gỗ. Nổi bật trong số các dự án đầu tư GVMCP vào năm 2018, là việc GVMCP vào 1 dự án tổng hợp sản xuất gỗ dán, ván mỏng, đồ gỗ xây dựng và ngũ kim, sơn, kính với số vốn lên tới 509,8 triệu USD từ nhà đầu tư Úc.

2.2.3. Các dự án tăng vốn

Các quốc gia đầu tư

Có 17 quốc gia/vùng lãnh thổ tăng vốn đầu tư vào các dự án ngành gỗ trong năm 2020 (so với 14 quốc gia/vùng lãnh thổ năm 2019). Số lượt tăng vốn trong năm 2020 là 52, tương đương 193,64 triệu USD. Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hồng Kông, Belize là các quốc gia /vùng có số lượt tăng vốn mạnh nhất. Cụ thể:

- Trung Quốc: 19 lượt tăng vốn với số vốn tăng đạt 91,88 triệu USD, tăng 90% về số lượt tăng và 351% về số vốn so với năm 2019. Lý do vốn tăng mạnh là bởi trong năm 2020 có 1 dự án tăng vốn 50 triệu USD, tập trung vào sản xuất mặt hàng sàn gỗ.
- Hàn Quốc: 7 lượt tăng, với số vốn 10,13 triệu USD, tăng 75% về số lượt và 13% về số vốn so với năm 2019.
- Đài Loan: 5 lượt với tổng vốn tăng 5,53 triệu USD, giảm 17% về số lượt và 79% về số vốn so với năm 2019.

- Nhật Bản: 4 lượt tăng vốn, số vốn tăng đạt 3,5 triệu USD, không giảm về số lượt tăng nhưng lại giảm 95% về số vốn.
- Hồng Kông: 3 lượt tăng vốn đạt 25,5 triệu USD, giảm 70% về số lượt và 72% về số vốn đầu tư so với năm trước đó.

Bảng 6 chỉ ra số lượt và số vốn tăng của các dự án tăng vốn vào ngành gỗ giai đoạn 2018 - 2020

Bảng 6. Số lượt và số vốn tăng của các dự án FDI ngành gỗ giai đoạn 2017 - 2020

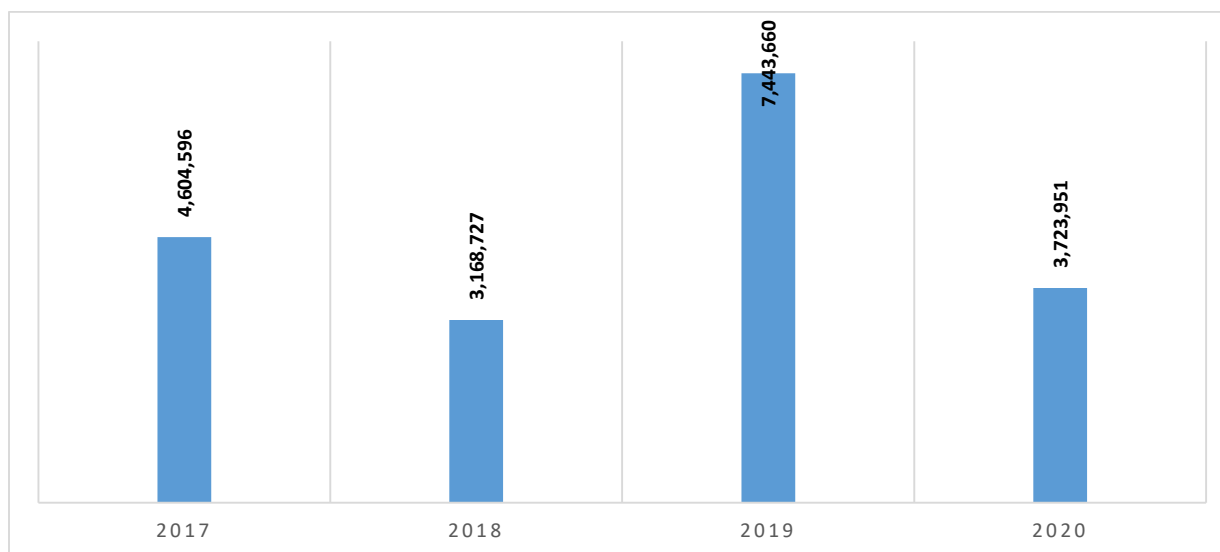
Quốc gia đầu tư	2018		2019		2020	
	Số lượt tăng	Vốn tăng (USD)	Số lượt tăng	Vốn tăng (USD)	Số lượt tăng	Vốn tăng (USD)
Trung Quốc	10	20.661.975	10	20.354.676	19	91.882.332
Đài Loan	5	6.640.000	6	26.580.035	5	5.538.092
Hàn Quốc	4	44.000.000	4	8.942.000	7	10.138.057
Hồng Kông	3	(3.135.000)	10	89.683.620	3	25.500.000
Nhật Bản	5	(29.439.228)	4	68.279.914	4	3.505.770
Samoa	3	41.000.000	3	13.391.305	1	1.500.000
Hoa Kỳ	2	1.465.000	2	31.430.000	1	800.000
Malaysia			1	2.000.000		
Singapore	1	30.609.422	1	4.000.000	1	4.500.000
British Virgin Islands	1	172.000	2	75.000.000	1	20.000.000
Khác	2	2.100.000	6	25.077.794	10	30.281.176
Tổng	36	114.074.169	49	364.739.344	52	193.645.427

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Quy mô đầu tư của các dự án tăng vốn

Năm 2020 quy mô tăng vốn của các dự án FDI là 3,72 triệu USD/lượt, giảm 50% so với năm 2019 (7,44 triệu USD/1 lượt). Hình 12 chỉ ra mức đầu tư trung bình cho mỗi lượt tăng vốn từ năm 2017 tới năm 2020.

Hình 12. Mức vốn trung bình cho 1 lượt (1 dự án) tăng vốn vào ngành gỗ từ 2017 - 2020 (USD)



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kong, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore là các quốc gia có số lượng dự án FDI trong ngành gỗ lớn, nhưng quy mô tăng vốn trung bình của mỗi quốc gia trong một dự án lại khác nhau, điều này tùy thuộc vào từng mặt hàng đầu tư của doanh nghiệp các nước này.

- Trung Quốc: Các dự án từ Trung Quốc có mức tăng 4,83 triệu USD/1 lượt vào năm 2020, tăng gấp trên 2 lần con số của năm 2019 (2,03 triệu USD).
- Singapore: tăng từ 4,0 triệu USD/lượt vào năm 2019 lên 4,5 triệu USD/lượt vào năm 2020.
- Đài Loan: năm 2019, có mức tăng trung bình 4,43 triệu USD/lượt, thì năm 2020 giảm, ở mức 1,10 triệu USD/lượt.
- Hàn Quốc: năm 2019 là 2,23 triệu USD/lượt, năm 2020 giảm chỉ còn 1,45 triệu USD/lượt.
- Hồng Kong: mức tăng vốn trung bình năm 2019 là 8,96 triệu USD/lượt, năm 2020 chỉ ở mức 8,5 triệu USD
- Nhật Bản: mức tăng vốn giảm từ trên 17,6 triệu USD/lượt vào năm 2019 xuống ở mức 0,87 triệu USD/lượt vào năm 2020. Lý giải cho việc sụt giảm này phải kết tới năm 2019, Nhật Bản có mức tăng vốn mạnh vào dự án sản xuất giường, tủ bàn ghế của Công ty Nội thất Nitori.

Nhóm mặt hàng tăng vốn

Các nhóm mặt hàng khác nhau có mức độ tăng vốn khác nhau. Cụ thể:

- Chế biến gỗ⁴ Có 33 lượt tăng, với số vốn tăng 91,8 triệu USD, giảm 15% về số lượt và 71% về vốn so với năm 2019.
- Phụ trợ ngành gỗ⁵: Có 6 lượt tăng, với vốn tăng 7,58 triệu USD, tăng 20% về lượt, nhưng lại giảm 69% về vốn so với năm trước.

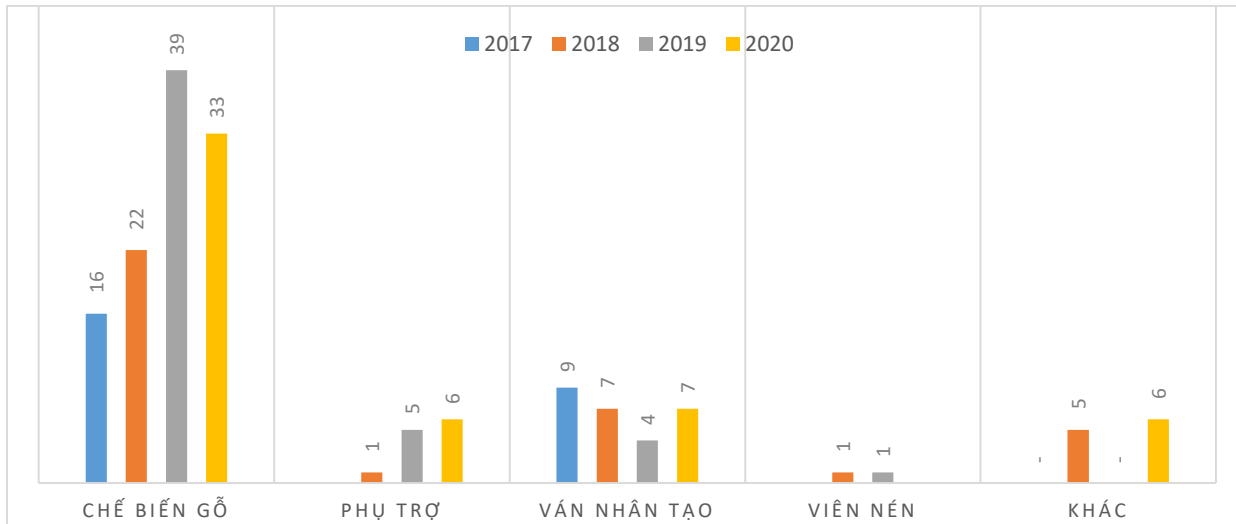
⁴ Chế biến gỗ: là các dự án sản xuất các sản phẩm giường, tủ, bàn ghế, kệ, các sản phẩm đồ gỗ, đồ gỗ gia dụng trong nhà, ngoài trời, sản phẩm trang trí nội thất.

⁵ Phụ trợ ngành gỗ: keo, ngũ kim, sơn.

- Ván nhân tạo⁶: Có 7 lượt tăng, với tổng vốn tăng 67,91 triệu USD, tăng 75% về lượt và 223% về vốn trong đó mức tăng vốn ở nhà máy sản xuất sàn gỗ đạt 50 triệu USD.
- Sản xuất các mặt hàng gỗ khác⁷: Có 6 lượt tăng với vốn đạt 26,34 triệu USD.

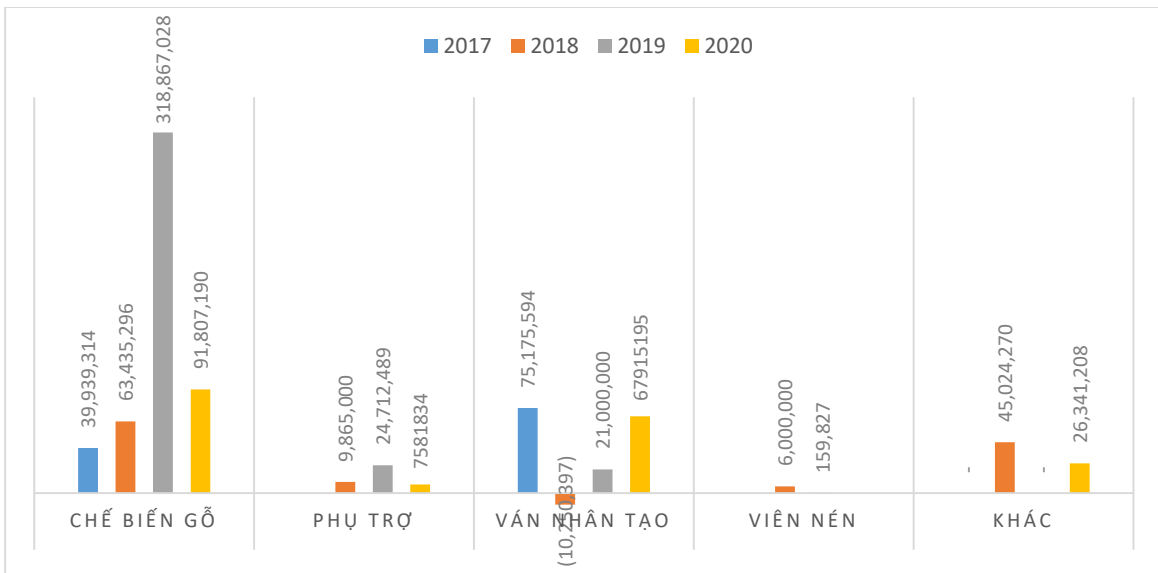
Hình 13, hình 14 chỉ ra chi tiết số lượt và số vốn tăng chia theo mặt hàng đầu tư trong ngành gỗ năm 2017 - 2020

Hình 13. Số lượt tăng vốn chia theo mặt hàng đầu tư ngành gỗ theo mặt hàng năm 2017 - 2020



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Hình 14. Số vốn tăng của các dự án đầu tư ngành gỗ theo mặt hàng năm 2017 - 2020



Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

⁶ Ván nhân tạo: dự án sản xuất các loại ván sàn, ván sợi, gỗ dán, ván mỏng bằng gỗ

⁷ Sản xuất các mặt hàng gỗ khác: Gồm đồ gỗ xây dựng, gỗ tròn, gỗ xẻ, dăm gỗ, pallet, bao bì, thương mại gỗ.

2.3. Địa phương nhận các dự án FDI mới

Năm 2020, có 14 tỉnh nhận được các dự án FDI mới trong ngành gỗ, giảm 9 tỉnh thành so với con số 23 tỉnh nhận các dự án FDI năm 2019.

Giống như các năm trước các tỉnh Đông Nam Bộ nhận được số dự án FDI mới đứng đầu cả nước. Năm 2020, các tỉnh Đông Nam Bộ đã nhận 51 dự án đầu tư mới với tổng vốn 310,28 triệu USD, chiếm 81% về số dự án và 83% về số vốn. Tiếp theo sau là khu vực Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể số lượng dự án tại một số tỉnh như sau:

- Bình Dương là tỉnh dẫn đầu và đầu tư mới, tiếp nhận 24 dự án, vốn đầu tư 138,99 triệu USD.
- Bình Phước: 18 dự án đầu tư mới, với 148,79 triệu USD.
- Đồng Nai: 5 dự án, với số vốn 15,15 triệu USD.
- Bà Rịa - Vũng Tàu: 2 dự án với vốn 5,04 triệu USD.
- Hồ Chí Minh: 1 dự án với vốn 1 triệu USD.
- Tây Ninh: 1 dự án với vốn 1,3 triệu USD.

Vùng Đồng bằng Sông Hồng: nhận 4 dự án mới trong năm 2020, với vốn 1,54 triệu USD, chiếm 6% về số lượng dự án, nhưng số vốn đầu tư lại rất nhỏ chỉ chiếm 0,4%.

Vùng Đông Bắc Bộ: 3 dự án mới, với vốn 40,1 triệu USD, chiếm 5% về số lượng và 11% về số vốn. Đồng Bằng Sông Cửu Long: 3 dự án, vốn đầu tư 0,24 triệu USD. Nam Trung Bộ: 2 dự án với vốn đầu tư 20,5 triệu USD.

Bảng 7 và 8 chỉ ra thông tin số lượng và số vốn của các dự án đầu tư mới vào ngành gỗ qua các năm phân theo vùng kinh tế.

Bảng 7. Số dự án FDI mới vào ngành gỗ qua các năm phân theo vùng kinh tế

Vùng	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Miền Đông Nam Bộ	57	55	52	45	73	51
Đồng bằng sông Cửu Long	3	3	1	3	3	3
Bắc Trung Bộ	-	3	-	1	-	
Nam Trung Bộ	1	3	4	2	3	2
Đông Bắc Bộ	3	2	2	7	10	3
Đồng bằng sông Hồng	8	17	13	9	7	4
Tây Bắc Bộ	-	-	1	-	2	0
Tây Nguyên					1	
Tổng	72	83	73	67	99	63

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

Bảng 8. Vốn đầu tư của các dự án mới vào ngành gỗ qua các năm phân theo vùng kinh tế (USD)

Vùng	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Miền Đông Nam Bộ	383.033.991	381.203.806	157.503.574	177.616.533	426.406.483	310.280.513
Đồng bằng sông Cửu Long	52.160.000	3.850.000	30.000	1.400.000	14.200.000	241.390
Bắc Trung Bộ	-	23.450.000	-	9.700.000	-	
Nam Trung Bộ	2.885.000	5.031.818	40.200.000	11.538.800	9.682.466	20.517.130
Đông Bắc Bộ	1.109.091	11.400.000	1.800.000	49.491.965	239.191.853	40.100.000
Đồng bằng sông Hồng	11.658.755	44.665.964	11.395.093	20.090.336	23.765.857	1.540.350
Tây Bắc Bộ	-	-	6.185.455	-	5.182.000	-
Tây Nguyên					7.700.000	
Tổng	450.846.837	469.601.588	217.114.122	269.837.634	726.128.659	372.679.383

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài

3. Xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI

Năm 2020, Việt Nam có trên 3.600 doanh nghiệp trực tiếp tham gia xuất khẩu G&SPG, đạt giá trị xuất khẩu 12,31 tỷ USD. Trong số DN này có 653 doanh nghiệp khối FDI, chiếm 18% trong tổng số doanh nghiệp xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu của các DN FDI này đạt 6,07 tỷ USD, chiếm 51% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của cả nước. Bảng 9 chỉ ra số lượng và giá trị xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI từ 2018 -2020.

Bảng 9. Số lượng DN xuất khẩu và giá trị xuất khẩu từ nhóm doanh nghiệp này giai đoạn 2018 - 2020

Năm	Số DN			Giá trị xuất khẩu (USD)		
	2018	2019	2020	2018	2019	2020
DN FDI	529	667	653	3.957.355.217	4.955.756.539	6.070.646.298
DN Việt Nam	2.676	3.830	2.970	4.955.756.539	5.374.754.436	5.943.211.863
Tổng	3.205	4.497	3.623	8.476.388.666	10.330.510.975	12.013.858.161

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

3.1. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia đầu tư

Các DN FDI có vốn đầu tư từ British Virgin Islands, Đài Loan, Trung Quốc dẫn đầu về giá trị xuất khẩu trong năm 2020.

- DN vốn đầu tư British Virgin Islands: Giá trị xuất khẩu đạt 927,57 triệu USD, chiếm 15% tổng giá trị của khối FDI.
- DN vốn đầu tư Đài Loan: đạt 879,65 triệu USD, chiếm 14% tổng giá trị xuất khẩu của khối FDI.
- DN vốn đầu tư Trung Quốc: đạt 827,07 triệu USD, chiếm 14% tổng giá trị xuất khẩu của khối FDI.

Bảng 10 chỉ ra giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ từ năm 2018 – 2020.

Bảng 10. Giá trị kim ngạch xuất khẩu của khối DN FDI trong ngành gỗ từ 2018 - 2020

Nước đầu tư	2018 (USD)	2019 (USD)	2020 (USD)
Đài Loan	823.797.963	862.920.551	879.650.578
BritishVirginIslands	677.690.840	859.002.645	927.577.279
Trung Quốc	436.217.131	702.599.284	827.077.825
Malaysia	384.266.510	417.354.474	432.639.968
Nhật Bản	312.339.005	354.560.834	346.764.905
Samoa	193.555.535	201.273.306	147.761.395
Hồng Kông	136.563.826	168.269.464	212.645.044
Vương quốc Anh	110.044.374	123.945.839	120.024.886
Singapore	97.330.350	228.327.840	383.543.138
Hàn Quốc	88.107.763	62.885.929	70.269.361
Nước khác	697.441.920	974.616.373	1.722.691.919
Tổng	3.957.355.217	4.955.756.539	6.070.646.298

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

3.2. Giá trị xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo địa phương nhận đầu tư

Bình Dương, Đồng Nai, Hồ Chí Minh là các địa phương có kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đạt giá trị cao.

Bình Dương là tỉnh dẫn đầu về giá trị xuất khẩu trong ngành gỗ năm 2020, đạt 5,68 tỷ USD, chiếm 47% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Trong đó Khối DN FDI đạt 3,85 tỷ USD, chiếm tỷ lệ 68%. Khối DN nội địa chỉ đạt 1,8 tỷ USD, chiếm 32%.

Đồng Nai đứng thứ hai, đạt giá trị XK 1,62 tỷ USD, chiếm 13% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Trong đó khối DN FDI đạt 900,55 triệu USD chiếm 56%, các DN trong nước đạt 718,81 triệu USD chiếm 44%.

Hồ Chí Minh đứng thứ ba, đạt 1,02 tỷ USD chiếm 9% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Trong đó các DN FDI đạt 260,69 triệu USD, chiếm 25%, các DN trong nước đạt 764,13 triệu USD, chiếm 75%. Bảng 11 biểu thị giá trị xuất khẩu của DN FDI và DN trong nước giai đoạn 2018 -2020 theo các tỉnh thành.

Bảng 11. Giá trị xuất khẩu của DN FDI và DN trong nước phân bố theo tỉnh thành từ 2018 - 2020

Tỉnh	Giá trị XK DN FDI			Giá trị XK DN Việt Nam		
	2018	2019	2020	2018	2019	2020
Bình Dương	2.322.458.889	3.117.002.599	3.850.386.976	1.062.681.036	1.457.455.659	1.832.923.841
Đồng Nai	677.174.339	750.083.267	900.551.270	632.299.102	660.167.105	718.814.082
Hồ Chí Minh	221.387.776	257.905.158	260.695.765	822.094.168	791.963.261	764.134.661
Vĩnh Phúc	198.209.790	186.515.244	152.042.076	1.735.709	6.370.809	5.743.153
Quảng Ninh	84.305.887	89.782.516	79.724.373	67.361.385	113.031.731	106.817.300
Long An	58.843.967	60.768.024	60.422.270	19.244.400	71.342.676	142.072.748
Tây Ninh	42.289.375	46.342.194	45.443.818	4.586.393	36.897.939	13.789.557
Hải Phòng	38.567.222	65.979.332	79.960.235	10.040.272	15.377.769	14.605.763
Huế	34.131.231	21.175.425	28.621.446	26.747.342	58.392.299	30.852.398
Bình Phước	33.934.760	33.504.541	58.552.211	90.703.689	59.221.725	97.746.319
Tỉnh khác	246.051.980	326.698.240	554.245.859	1.771.969.361	2.104.533.463	2.215.712.042

Nguồn: VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ số liệu Tổng cục Hải quan

4. Đầu tư FDI vào ngành gỗ: Một số khía cạnh về chính sách

Năm 2020 là một năm có nhiều biến động của ngành gỗ. Đại dịch do COVID-19 gây ra đã tác động trực tiếp và tiêu cực đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành. Trong khâu đầu tư nước ngoài, đại dịch làm thu hẹp quy mô đầu tư cả về khía cạnh các dự án mới, số vốn đăng ký và số lượt góp vốn mua cổ phần. Đại dịch tác động đến các khâu sản xuất kinh doanh và xuất khẩu của các doanh nghiệp khối FDI, làm đứt gãy chuỗi cung, ngưng trệ sản xuất, cản trở xuất khẩu.

Tuy nhiên, bất chấp các tác động tiêu cực của COVID-19, kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư FDI vào ngành đến hết năm 2020 cho thấy sự phát triển vượt bậc của các doanh nghiệp FDI trong ngành. Tính đến hết năm, ngành nhận được 63 dự án mới với tổng vốn đầu tư đăng ký là gần 327,7 triệu USD, 52 lượt tăng vốn với tổng vốn tăng thêm là 193,6 triệu USD, 122 lượt góp vốn mua cổ phần, với giá trị góp vốn đạt 244,8 triệu USD. Mặc dù các con số này đều thấp hơn các con số của năm 2019, các con số của năm 2020 tiếp tục khẳng định sự hấp dẫn của ngành trong các hoạt động đầu tư FDI. Các con số của năm 2020 và của các năm trước đó cho thấy ngành sẽ tiếp tục là một địa chỉ tích cực về thu hút đầu tư nước ngoài.

Nguồn vốn đầu tư FDI chủ yếu từ các nước châu Á như Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, và Singapore, chủ yếu tập trung vào các tỉnh Đông Nam Bộ. Vốn đầu tư trung bình mỗi dự án nhỏ, và các hoạt động đầu tư tập trung vào sản xuất các sản phẩm gỗ như bàn ghế, giường, tủ, bàn ghế sofa, tủ bếp, gỗ dán... là các đặc điểm chính của các hoạt động đầu tư FDI vào ngành năm 2020. Các đặc điểm này tương đồng với năm 2019.

Cũng giống như 2019, xuất khẩu của các doanh nghiệp khối FDI năm 2020 tiếp tục thể hiện tính vượt trội so với khối các doanh nghiệp nội địa. Khối này có 653 doanh nghiệp FDI trực tiếp tham gia xuất khẩu, chiếm 18% trong tổng số doanh nghiệp xuất khẩu, với kim ngạch đạt 6 tỷ USD, chiếm 51% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành. So sánh với con số 2.676 doanh nghiệp và 5,9 tỷ USD về kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp nội địa cho thấy các doanh nghiệp FDI đã vượt xa doanh nghiệp nội địa về quy mô xuất khẩu. Sự vượt trội này có thể là do sự khác biệt về quy mô sản xuất, trình độ công nghệ và quản lý, quy mô vốn đầu tư, tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp FDI so với doanh nghiệp nội địa. Cho đến nay, chưa có đánh giá hoặc nghiên cứu nào nhìn vào các khía cạnh này. Điều này cho thấy sự cần thiết phải có những nghiên cứu, nhằm nắm bắt thông tin về các yếu tố tạo ra sự vượt trội và chia sẻ với khối doanh nghiệp nội địa.

Mặc dù FDI hiện là bộ phận không thể tách rời của ngành gỗ, một số hoạt động đầu tư FDI ẩn chứa rủi ro lớn và điều này đã và đang làm tổn hại tới ngành. Trong những năm gần đây, đặc biệt bắt đầu từ thời điểm căng thẳng thương mại Mỹ - Trung diễn ra, tình trạng “đầu tư chui, đầu tư núp bóng” đã xuất hiện trong ngành. Tình trạng này diễn ra khi một số công ty có nguồn vốn từ Trung Quốc nhập khẩu các mặt hàng gỗ từ Trung Quốc vào Việt Nam, lấy nhãn mác xuất xứ của Việt Nam sau đó xuất khẩu vào Mỹ. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp Trung Quốc tránh được các mức thuế mà Chính phủ Mỹ áp dụng đối với các mặt hàng này có xuất xứ từ Trung Quốc. Đầu tư chui, đầu tư núp bóng của xảy ra dưới hình thức các doanh nghiệp Trung Quốc thuê nhà xưởng, nhân công, người quản lý của Việt Nam, nhập khẩu các bộ phận của đồ gỗ từ Trung Quốc sau đó thực hiện lắp ráp các bộ phận này tại Việt Nam trước khi xuất khẩu đi Mỹ. Nhóm nghiên cứu của Forest Trends và các Hiệp hội gỗ cũng đã đưa ra một số cảnh báo về vấn đề các khía cạnh này.⁸

⁸ Trong năm 2020 Nhóm nghiên cứu của Forest Trends đã đưa ra một số báo cáo, cảnh báo về các khía cạnh đầu tư chui, đầu tư núp bóng của một số doanh nghiệp trong khối FDI. Cụ thể, cảnh báo về mặt hàng tủ bếp, ghế sofa, gỗ

Đầu tư chui, đầu tư núp bóng mang lại những rủi ro rất lớn cho ngành. Tình trạng này nếu không được kiểm soát chặt sẽ có thể mang lại những hậu quả nghiêm trọng cho toàn ngành trong tương lai. Hiện tại Mỹ là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất cho ngành gỗ Việt Nam. Theo báo cáo tổng quan xuất nhập khẩu ngành gỗ 2020 mà Nhóm nghiên cứu chuẩn bị công bố, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này năm 2020 lên tới trên 60% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong cả nước. Điều này có nghĩa rằng biến động từ thị trường này sẽ có tác động đến toàn ngành, ảnh hưởng đến các mục tiêu mà ngành đặt ra. Đến nay, tín hiệu biến động từ thị trường Mỹ đã rõ ràng. Cơ quan Đại diện Thương mại Mỹ đang tiến hành điều tra về toàn ngành gỗ Việt theo điều khoản 301. Điều tra này một phần dựa trên cáo buộc rằng có tình trạng đầu tư chui, đầu tư núp bóng vào ngành gỗ Việt Nam nhằm hưởng lợi thuế nhập khẩu từ Hoa Kỳ. Thực tế, một số hoạt động đầu tư FDI trong các dự án mới, dự án tăng vốn mua cổ phần... tập trung vào các mặt hàng như gỗ dán, tủ bếp, ghế sofa và bộ phận của ghế sofa. Đây là các mặt hàng chứa đựng các yếu tố rủi ro về miễn tránh thuế nhập khẩu từ Mỹ.

Nhận biết được tính nghiêm trọng của tình trạng đầu tư chui, đầu tư núp bóng, các cơ quan chức năng của Việt Nam đã và đang nỗ lực kiểm soát tình hình và đưa ra các biện pháp giảm rủi ro. Gần đây nhất, trong tháng 2 vừa qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã gửi văn bản tới Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành nhằm kêu gọi kiểm soát chặt chẽ đối với các hành vi chống gian lận xuất xứ đối với các sản phẩm gỗ. Văn bản đề nghị chính quyền các tỉnh thành kiểm tra các dự án đầu tư FDI để giảm rủi ro trong gian lận xuất xứ, ưu tiên lựa chọn các dự án có tính vượt trội về công nghệ, tham vấn với các hiệp hội gỗ về các dự án đầu tư, xem xét kỹ các dự án đầu tư sản xuất các mặt hàng có yếu tố rủi ro gian lận. Thực hiện hiệu quả kêu gọi này đòi hỏi các tỉnh cần có sự quan tâm thích đáng tới các hoạt động đầu tư FDI tại địa phương mình, thiết lập các cơ chế kiểm tra, giám sát, với sự tham gia của các bên liên quan. Trong bối cảnh này, phối hợp với hiệp hội quốc gia và các hiệp hội địa phương, các doanh nghiệp nội địa cũng như các doanh nghiệp FDI làm ăn chân chính có vai trò then chốt để thực hiện hiệu quả việc kiểm tra giám sát, nhằm loại bỏ rủi ro về đầu tư chui, đầu tư núp bóng trong đầu tư FDI vào ngành.

Tính vượt trội của các doanh nghiệp FDI hiện đang hoạt động tại Việt Nam cũng cần được tổng kết và tạo hiệu ứng lan tỏa trong ngành. Ngành cần kêu gọi các nghiên cứu nhằm tìm hiểu về các yếu tố tạo nên sự vượt trội và tạo cơ chế để các yếu tố này được lan tỏa các yếu tố này tới toàn ngành. Để lan tỏa đòi hỏi môi trường cơ chế và chính sách phù hợp, cho phép việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm giữa khối FDI và doanh nghiệp nội. Cơ chế chính sách đối với ngành hiện nay cần thay đổi. Cần cho phép các doanh nghiệp FDI trở thành thành viên chính thức của các hiệp hội. Điều này sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp FDI được đưa ra các ý kiến đóng góp xây dựng ngành. Chuyển đổi 2 khối FDI và doanh nghiệp nội địa thành một thực thể thống nhất thông qua các cơ chế, chính sách mới sẽ góp phần tạo hiệu ứng lan tỏa, từ đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nội địa tiệm cận gần hơn đối với doanh nghiệp FDI. Bên cạnh đó, tạo một thực thể thống nhất cũng sẽ góp phần định vị và giảm thiểu các rủi ro trong các hoạt động đầu tư FDI. Điều này sẽ góp phần phát triển bền vững ngành gỗ Việt trong tương lai./.

dán được đưa ra trong báo cáo: <https://goviet.org.vn/bai-viet/rui-ro-trong-gian-lan-thuong-mai-doi-voi-mat-hang-tu-bep-va-ghie-sofa-9193>; <https://goviet.org.vn/bai-viet/fdi-trong-nganh-go-va-xuat-khau-doanh-nghiep-fdi-nhung-thang-dau-nam-2020-9191>; <https://goviet.org.vn/bai-viet/go-dan-viet-nam-dinh-vi-va-giam-thieu-rui-ro-9149>.

Trước đó năm 2019 Nhóm cũng đã đưa ra một số báo cáo cảnh báo rủi ro trong đầu tư. Thông tin chi tiết về các báo cáo này tham khảo tại website: <https://goviet.org.vn/>.